

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26/2026/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 9 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực  
tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,  
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11;*

*Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 170/2025/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 300/2026/NĐ-CP; số 171/2025/NĐ-CP quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức; số 259/2026/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 179/2024/NĐ-CP quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; số 73/2026/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Xét Tờ trình số 659/TTr-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số 867/BC-BPC ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030.*

## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

a) Nghị quyết này quy định đối tượng, nguyên tắc, điều kiện, mức hỗ trợ, mức thưởng, hồ sơ, trình tự thực hiện, quyền, trách nhiệm và nguồn kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030;

b) Quy định chế độ, chính sách khuyến khích công chức không ngừng học tập, nâng cao trình độ, năng lực công tác theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

### **2. Đối tượng áp dụng:**

a) Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh;

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan;

c) Không áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh.

## **Điều 2. Nguyên tắc thực hiện chính sách**

1. Bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong sử dụng nguồn nhân lực; phù hợp với chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng đối tượng, thẩm quyền trong việc thực hiện chính sách.

3. Trường hợp một đối tượng đồng thời đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ: nếu có cùng nội dung hỗ trợ thì chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất; nếu có nội dung hỗ trợ khác nhau thì được hưởng đồng thời khi đáp ứng đầy đủ điều kiện của từng chính sách. Việc xác định căn cứ đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Điều 3. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng**

1. Đối tượng được hỗ trợ: cán bộ, công chức, viên chức quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này, được cơ quan có thẩm quyền cử đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

### **2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ đào tạo**

a) Cán bộ, công chức: có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên; trong 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; không quá 45 tuổi tính đến thời điểm được cử đi

đào tạo; cam kết sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiếp tục làm việc tại cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo;

b) Viên chức: có thời gian công tác từ đủ 03 năm trở lên; trong 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; không quá 45 tuổi tính đến thời điểm được cử đi đào tạo. Về cam kết sau khi hoàn thành chương trình đào tạo: với viên chức trạm y tế cấp xã, cam kết tiếp tục công tác liên tục tại trạm y tế cấp xã thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh trong thời gian tối thiểu 10 năm (120 tháng); đối với viên chức còn lại, cam kết tiếp tục làm việc tại cơ quan, đơn vị nơi công tác trước khi được cử đi đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo;

c) Thuộc đúng ngành, nhóm ngành, đối tượng, cơ quan, đơn vị; có trình độ và đáp ứng điều kiện quy định tại Mục I Phần A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này; không thuộc diện được hỗ trợ đối với cùng nội dung từ chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đề án của bộ, ngành Trung ương hoặc chính sách khác sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Điều kiện được hưởng hỗ trợ bồi dưỡng: viên chức là bác sĩ công tác tại trạm y tế cấp xã, được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm và nhu cầu của đơn vị, địa phương; trong 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi bồi dưỡng được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; hoàn thành khóa bồi dưỡng và được cấp chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận theo thời gian, điều kiện quy định tại Mục II Phần A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Mức hỗ trợ thực hiện theo Phần A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này. Người-thuộc: đối tượng hỗ trợ là nữ được hưởng thêm 10%; người dân tộc thiểu số được hưởng thêm 10% mức hỗ trợ tương ứng quy định tại khoản này (người đồng thời là nữ và là người dân tộc thiểu số được hưởng thêm 20%).

#### 5. Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách

a) Văn bản đề nghị kèm danh sách đối tượng và dự toán kinh phí của sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương đối với cán bộ, công chức, viên chức đơn vị thuộc và trực thuộc; của đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh đối với viên chức của đơn vị (sau đây gọi chung là cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức);

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý các giấy tờ sau: quyết định cử đi đào tạo, bồi dưỡng; văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận hoàn thành; văn bản xác nhận thời gian công tác của cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng trong 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; bản cam kết thực hiện nghĩa vụ sau đào tạo.

## 6. Trình tự thực hiện

a) Hằng năm vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp nhu cầu đối tượng, kinh phí thực hiện của năm kế hoạch gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí thực hiện chính sách theo quy định;

b) Định kỳ trước ngày 10 của tháng đầu quý I, quý II, quý III và quý IV hằng năm, cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức lập hồ sơ quy định tại Nghị quyết này, gửi Sở Nội vụ;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của cơ quan trình, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định đối tượng, kinh phí thực hiện, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt danh sách đối tượng và kinh phí thực hiện. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chính sách, Sở Nội vụ có văn bản trả lời cơ quan, đơn vị đề nghị và nêu rõ lý do;

d) Căn cứ quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự toán được cấp có thẩm quyền giao, Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí theo quy định; trường hợp vượt dự toán, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng theo quy định, tổ chức chi trả cho các đối tượng chậm nhất 15 ngày kể từ ngày được cấp kinh phí.

## **Điều 4. Hỗ trợ sau tuyển dụng hoặc tiếp nhận**

1. Đối tượng được hỗ trợ: người được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hoặc tiếp nhận theo quy định của pháp luật vào làm công chức, viên chức tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

### 2. Điều kiện được hỗ trợ

a) Có quyết định tuyển dụng hoặc tiếp nhận có hiệu lực; đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm;

b) Vị trí việc làm còn thiếu người, thuộc chỉ tiêu biên chế hoặc số lượng người làm việc được giao và được xác định trong kế hoạch tuyển dụng hoặc tiếp nhận đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức tuyển dụng hoặc tiếp nhận;

c) Thuộc đúng ngành, nhóm ngành, đối tượng, cơ quan, đơn vị; có trình độ và đáp ứng điều kiện quy định tại Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này;

d) Cam kết làm việc liên tục tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh ít nhất 05 năm (60 tháng) kể từ ngày quyết định tuyển dụng hoặc tiếp nhận có hiệu lực; việc chi trả hỗ trợ được thực hiện sau khi người được tuyển

dụng hoặc tiếp nhận đã nhận việc, thực tế làm việc tại vị trí được tuyển dụng hoặc tiếp nhận và có đầy đủ hồ sơ hợp lệ;

đ) Không thực hiện hỗ trợ đối với: người đã được hưởng chính sách theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP; người đang công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được luân chuyển, điều động, biệt phái hoặc tiếp nhận trong nội bộ tỉnh; người đã được tỉnh hỗ trợ theo chính sách thu hút nhưng tự nguyện nghỉ việc hoặc chuyển ra ngoài tỉnh, sau đó trở lại công tác.

3. Hình thức hỗ trợ: hỗ trợ một lần sau tuyển dụng hoặc tiếp nhận.

4. Mức hỗ trợ: thực hiện theo Phần B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách

a) Văn bản đề nghị của cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, kèm theo danh sách đối tượng và dự toán kinh phí;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý các giấy tờ sau: quyết định tuyển dụng hoặc tiếp nhận; văn bằng và tài liệu chứng minh xếp loại tốt nghiệp, chức danh, thành tích hoặc điều kiện hưởng mức hỗ trợ; bản cam kết làm việc theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

6. Trình tự thực hiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết này.

### **Điều 5. Quy định về chính sách thưởng**

1. Công dân đang thường trú hoặc làm việc trên địa bàn tỉnh được bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư; được phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân ưu tú hoặc được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Mức thưởng thực hiện theo Phần C Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Hồ sơ đề nghị hưởng chính sách

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức (đối tượng không phải là cán bộ, công chức, viên chức, Ủy ban nhân dân xã, phường nơi công dân thường trú gửi đề xuất), kèm theo danh sách đối tượng và dự toán kinh phí;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử có giá trị pháp lý các giấy tờ sau: quyết định bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư của cơ quan có thẩm quyền; quyết định phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân, Nhà giáo ưu tú,

Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân ưu tú; quyết định tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước.

4. Trình tự thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị quyết này.

#### **Điều 6. Quyền lợi, trách nhiệm và hoàn trả kinh phí**

1. Người đủ điều kiện được xem xét hỗ trợ sau khi hoàn thành nội dung đào tạo, bồi dưỡng hoặc có quyết định tuyển dụng, tiếp nhận, được công nhận thành tích hợp pháp và thực tế thực hiện quyết định, tương ứng với từng chính sách.

2. Hoàn trả chi phí hỗ trợ đào tạo và khoản hỗ trợ sau tuyển dụng, tiếp nhận

a) Khoản hỗ trợ một lần theo Nghị quyết này được xác định là kinh phí phải xem xét hoàn trả khi phát sinh trường hợp phải hoàn trả theo quy định;

b) Người sử dụng giấy tờ, thông tin không hợp pháp hoặc kê khai không trung thực để được hưởng chính sách phải hoàn trả toàn bộ khoản hỗ trợ đã nhận;

c) Trường hợp trong thời gian cam kết, người hưởng chính sách tự ý bỏ việc, tự nguyện thôi việc, đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc, chuyển công tác ra ngoài phạm vi quản lý của tỉnh hoặc bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc thì phải hoàn trả số tiền hỗ trợ đã nhận, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này. Số tiền hoàn trả bằng tổng khoản hỗ trợ một lần đã nhận nhân với số tháng cam kết còn thiếu, chia cho số tháng đã cam kết theo quy định tại Nghị quyết này;

d) Người được hưởng chính sách không phải hoàn trả khi không thực hiện đủ thời gian cam kết do chết, mất khả năng lao động theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền, phải thực hiện quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền mà không có lỗi, hoặc xảy ra sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật. Cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đã đề nghị hưởng chính sách lập hồ sơ chứng minh nguyên nhân khách quan, trình cơ quan đã phê duyệt khoản hỗ trợ xem xét, quyết định miễn hoàn trả bằng văn bản.

3. Cơ quan sử dụng cán bộ, công chức, viên chức đã đề nghị hưởng chính sách có trách nhiệm xác định số tiền phải hoàn trả theo quy định tại khoản 2 Điều này, lập hồ sơ và quyết định thu hồi để nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi, người có trách nhiệm hoàn trả phải nộp đầy đủ số tiền vào cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chi trả để nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà người có trách nhiệm hoàn trả chưa nộp hoặc nộp không đầy đủ thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

## **Điều 7. Kinh phí thực hiện**

1. Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết được bố trí từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

2. Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

## **Điều 8. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 03 tháng 10 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025.

3. Bãi bỏ khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 71/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về một số cơ chế, chính sách đối với lĩnh vực y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2022-2025.

## **Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các trường hợp có quyết định cử đi đào tạo, tuyển dụng hoặc tiếp nhận phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực, đủ điều kiện hưởng theo Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND nhưng chưa được giải quyết hoặc chưa hoàn thành nghĩa vụ thì tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm bồi hoàn theo Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND và các văn bản liên quan.

2. Đối tượng có quyết định cử đi đào tạo ngắn hạn nâng cao trình độ chuyên môn y phát sinh từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực, đủ điều kiện hưởng theo Nghị quyết số 71/2022/NQ-HĐND nhưng chưa được giải quyết hoặc chưa hoàn thành nghĩa vụ thì tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm bồi hoàn theo Nghị quyết số 71/2022/NQ-HĐND và các văn bản liên quan.

## **Điều 10. Điều khoản tham chiếu**

Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới đối với các nội dung về điều kiện, tiêu chuẩn, thẩm quyền và trình tự, thủ tục. Trường hợp văn bản mới làm thay đổi đối tượng hoặc mức chi thuộc chính sách đặc thù của tỉnh thì Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm rà soát, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết trước khi thực hiện.

## **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XIX, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2026./.*

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực II;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hà Tĩnh;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin và Xúc tiến, hỗ trợ đầu tư tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ, TH.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hồng Lĩnh**



**HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG; HỖ TRỢ SAU TUYỂN DỤNG, TIẾP NHẬN ĐỐI VỚI  
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC; CHÍNH SÁCH THƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2026  
của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030)

| STT           | Trình độ, ngành, nhóm ngành và điều kiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đối tượng | Cơ quan, đơn vị                                                             | Mức hỗ trợ<br>(triệu đồng) |
|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| <b>Phần A</b> | <b>HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |                                                                             |                            |
| <b>Mục I</b>  | <b>Đào tạo</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |           |                                                                             |                            |
| 1             | <b>Tiến sĩ:</b> Ngành Y                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Viên chức | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế (trừ trạm y tế cấp xã) | 200                        |
| 2             | <b>Tiến sĩ:</b> Kế toán; Lý luận và phương pháp dạy học (các bộ môn sư phạm; công nghệ dạy học) hoặc công nghệ thông tin; Giáo dục học; Sư phạm tiếng nước ngoài (tiếng Trung Quốc) hoặc ngôn ngữ Trung Quốc (Hán ngữ); Quản trị kinh doanh; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Viên chức | Trường Đại học Hà Tĩnh                                                      | 150                        |
| 3             | <b>Tiến sĩ:</b> Chính trị học; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử (Triết học); Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; Quản lý công; Quản lý kinh tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Viên chức | Trường Chính trị Trần Phú                                                   | 150                        |
| 4             | <b>Thạc sĩ hoặc chuyên khoa sau đại học:</b> các chuyên ngành: Y học cổ truyền; Nội khoa (bao gồm các chuyên khoa sâu); Tai mũi họng; Hồi sức cấp cứu; Chẩn đoán hình ảnh; Phục hồi chức năng; Răng - Hàm - Mặt; Truyền nhiễm; Da liễu; Tâm thần; Gây mê hồi sức; Ngoại khoa (bao gồm các chuyên khoa sâu); Giải phẫu bệnh; Lao và bệnh phổi; Lão khoa; Nhi khoa (bao gồm các chuyên khoa sâu); Sản phụ khoa (bao gồm các chuyên khoa sâu); Ung thư; Y học dự phòng; Y học gia đình; Xét nghiệm; Phẫu thuật tạo hình, tái tạo và thẩm mỹ; Miễn dịch dị ứng; Huyết học truyền máu; Dinh dưỡng; Nhân khoa | Viên chức | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế (trừ trạm y tế cấp xã) | 60                         |



| STT           | Trình độ, ngành, nhóm ngành và điều kiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đối tượng           | Cơ quan, đơn vị                                                             | Mức hỗ trợ (triệu đồng) |
|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 5             | <b>Đại học:</b> Bác sĩ Y khoa; Bác sĩ Đa khoa; Bác sĩ Y học cổ truyền; Bác sĩ Y học dự phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Viên chức           | Trạm y tế cấp xã                                                            | 150                     |
| 6             | <b>Văn bằng thứ hai trình độ đại học:</b> nhóm ngành Công nghệ thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cán bộ, công chức   | Các cơ quan, đơn vị, địa phương                                             | 60                      |
| <b>Mục II</b> | <b>Bồi dưỡng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                     |                                                                             |                         |
| 1             | Bồi dưỡng chuyên môn, thời gian từ 01 tháng đến 03 tháng, học tập trung, được cấp chứng chỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Viên chức là bác sĩ | Trạm y tế cấp xã                                                            | 5                       |
| 2             | Bồi dưỡng chuyên môn, thời gian từ trên 03 tháng đến 06 tháng, học tập trung, được cấp chứng chỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Viên chức là bác sĩ | Trạm y tế cấp xã                                                            | 10                      |
| 3             | Bồi dưỡng chuyên môn, thời gian từ trên 06 tháng đến 12 tháng, học tập trung, được cấp chứng chỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Viên chức là bác sĩ | Trạm y tế cấp xã                                                            | 15                      |
| <b>Phần B</b> | <b>HỖ TRỢ SAU TUYỂN DỤNG, TIẾP NHẬN</b><br>(đối với người có chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư và trình độ Tiến sĩ được tuyển dụng hoặc tiếp nhận về công tác để bổ nhiệm giữ chức vụ: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các Trường: Đại học Hà Tĩnh, Chính trị Trần Phú; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, được áp dụng hỗ trợ theo Nghị quyết này, không bị giới hạn bởi ngành đào tạo thuộc danh mục ngành, nhóm ngành được hỗ trợ) |                     |                                                                             |                         |
| 1             | Người có chức danh Giáo sư và trình độ tiến sĩ ngành Y                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Viên chức           | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế (trừ trạm y tế cấp xã) | 1.500                   |
|               | Người có chức danh Giáo sư và trình độ tiến sĩ: Máy tính; Công nghệ thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Kỹ thuật điện, điện tử - viễn thông; Khoa học dữ liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Viên chức           | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ                    | 1.500                   |
|               | Người có chức danh Giáo sư và trình độ tiến sĩ: Ngôn ngữ Trung Quốc; Công nghệ thông tin; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Kỹ thuật điện tử; Xây dựng; Hóa học (Hóa môi trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Viên chức           | Trường Đại học Hà Tĩnh                                                      | 1.200                   |
|               | Người có chức danh Giáo sư và trình độ tiến sĩ: Chính trị học; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử (Triết học); Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật; Quản lý công; Quản lý kinh tế                                                                                                                                                                                                                                     | Viên chức           | Trường Chính trị Trần Phú                                                   | 1.200                   |

| STT | Trình độ, ngành, nhóm ngành và điều kiện                                                                                                                                                                                                                 | Đối tượng | Cơ quan, đơn vị                                                                      | Mức hỗ trợ<br>(triệu đồng) |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 2   | Người có chức danh Phó Giáo sư và trình độ tiến sĩ ngành Y                                                                                                                                                                                               | Viên chức | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế ( <i>trừ trạm y tế cấp xã</i> ) | 1.000                      |
|     | Người có chức danh Phó Giáo sư và trình độ tiến sĩ: Máy tính; Công nghệ thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Kỹ thuật điện, điện tử - viễn thông; Khoa học dữ liệu                                                                                               | Viên chức | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ                             | 1.000                      |
|     | Người có chức danh Phó Giáo sư và trình độ tiến sĩ: Ngôn ngữ Trung Quốc; Công nghệ thông tin; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Kỹ thuật điện tử; Xây dựng; Hóa học (Hóa môi trường)                                                                  | Viên chức | Trường Đại học Hà Tĩnh                                                               | 800                        |
|     | Người có chức danh Phó Giáo sư và trình độ tiến sĩ: Chính trị học; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử (Triết học); Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật; Quản lý công; Quản lý kinh tế | Viên chức | Trường Chính trị Trần Phú                                                            | 800                        |
| 3   | <b>Tiến sĩ:</b> Ngành Y                                                                                                                                                                                                                                  | Viên chức | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế ( <i>trừ trạm y tế cấp xã</i> ) | 600                        |
|     | <b>Tiến sĩ:</b> Máy tính; Công nghệ thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Kỹ thuật điện, điện tử - viễn thông; Khoa học dữ liệu                                                                                                                                   | Viên chức | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ                             | 600                        |
|     | <b>Tiến sĩ:</b> Ngôn ngữ Trung Quốc; Công nghệ thông tin; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Kỹ thuật điện tử; Xây dựng; Hóa học (Hóa môi trường)                                                                                                      | Viên chức | Trường Đại học Hà Tĩnh                                                               | 400                        |
|     | <b>Tiến sĩ:</b> Chính trị học; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử (Triết học); Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật; Quản lý công; Quản lý kinh tế                                     | Viên chức | Trường Chính trị Trần Phú                                                            | 400                        |
| 4   | Bác sĩ chuyên khoa II, bác sĩ nội trú                                                                                                                                                                                                                    | Viên chức | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế                                 | 400                        |
| 5   | Bác sĩ y khoa, bác sĩ đa khoa, tốt nghiệp loại xuất sắc tại Trường Đại học Y Hà Nội hoặc Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh                                                                                                                     | Viên chức | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế                                 | 300                        |

| STT  | Trình độ, ngành, nhóm ngành và điều kiện                                                                                                                                   | Đối tượng | Cơ quan, đơn vị                                                                                                                                                               | Mức hỗ trợ (triệu đồng) |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 6    | Bác sĩ y khoa, bác sĩ đa khoa, tốt nghiệp loại giỏi tại Trường Đại học Y Hà Nội hoặc Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh                                           | Viên chức | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế                                                                                                                          | 200                     |
| 7    | Bác sĩ y khoa, bác sĩ đa khoa tốt nghiệp tại Trường Đại học Y Hà Nội hoặc Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh                                                      | Viên chức | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế (trừ Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, Bệnh viện đa khoa tỉnh và các bệnh viện chuyên khoa tự bảo đảm chi thường xuyên) | 100                     |
| 8    | Bác sĩ y khoa, bác sĩ đa khoa, tốt nghiệp loại xuất sắc tại cơ sở đào tạo khác                                                                                             | Viên chức | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế                                                                                                                          | 100                     |
| 9    | Bác sĩ y khoa, bác sĩ đa khoa, tốt nghiệp loại giỏi tại cơ sở đào tạo khác                                                                                                 | Viên chức | Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực y tế (trừ Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh, Bệnh viện đa khoa tỉnh và các bệnh viện chuyên khoa tự bảo đảm chi thường xuyên) | 60                      |
| 10   | Hỗ trợ thêm đối với người thuộc các nội dung từ số thứ tự 5 đến 9 Phần B Phụ lục này khi đáp ứng các điều kiện sau đây (được hưởng đồng thời nếu đáp ứng nhiều điều kiện): |           |                                                                                                                                                                               |                         |
| 10.1 | Có trình độ thạc sĩ thuộc lĩnh vực y khoa hoặc bác sĩ chuyên khoa I, ngoài mức hỗ trợ tương ứng còn được hỗ trợ thêm                                                       |           |                                                                                                                                                                               | 40                      |
| 10.2 | Khi được tuyển dụng hoặc tiếp nhận về Bệnh viện Sức khỏe tâm thần, Trung tâm Pháp y và Giám định y khoa, ngoài mức hỗ trợ tương ứng còn được hỗ trợ thêm                   |           |                                                                                                                                                                               | 20                      |
| 10.3 | Khi được tuyển dụng hoặc tiếp nhận về trạm y tế cấp xã, ngoài mức hỗ trợ tương ứng còn được hỗ trợ thêm                                                                    |           |                                                                                                                                                                               | 200                     |
| 10.4 | Khi được tuyển dụng hoặc tiếp nhận về trạm y tế tại xã khu vực II theo quyết định công nhận của cơ quan có thẩm quyền, ngoài mức hỗ trợ tại mục 10.3 còn được hỗ trợ thêm  |           |                                                                                                                                                                               | 30                      |

| STT  | Trình độ, ngành, nhóm ngành và điều kiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đối tượng            | Cơ quan, đơn vị              | Mức hỗ trợ<br>(triệu đồng) |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------|----------------------------|
| 11   | Bác sĩ y khoa, bác sĩ đa khoa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Viên chức            | Trạm y tế cấp xã             | 200                        |
| 12   | Bác sĩ y học cổ truyền, bác sĩ y học dự phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Viên chức            | Trạm y tế cấp xã             |                            |
| 12.1 | <i>Bác sĩ y học cổ truyền, bác sĩ y học dự phòng tốt nghiệp loại xuất sắc</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                      |                              | 150                        |
| 12.2 | <i>Bác sĩ y học cổ truyền, bác sĩ y học dự phòng tốt nghiệp loại giỏi</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                      |                              | 120                        |
| 12.3 | <i>Bác sĩ y học cổ truyền, bác sĩ y học dự phòng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                      |                              | 100                        |
| 13   | <p>Tốt nghiệp đại học thuộc một trong các nhóm ngành: Máy tính; Công nghệ thông tin; Trí tuệ nhân tạo; Kỹ thuật điện, điện tử - viễn thông; Khoa học dữ liệu tại các cơ sở đào tạo sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại học Bách khoa, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Trường Đại học Bách khoa, Đại học Đà Nẵng; Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội; Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh; Trường Đại học FPT; Trường Đại học VinUni; Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông</li> <li>- Các cơ sở đào tạo khác có điểm chuẩn đầu vào của ngành từ 25 điểm trở lên trong năm đối tượng trúng tuyển</li> </ul> |                      |                              |                            |
| 13.1 | <i>Tốt nghiệp loại xuất sắc</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Công chức, viên chức | Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh | 160                        |
| 13.2 | <i>Tốt nghiệp loại giỏi</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Công chức            | Các cơ quan cấp tỉnh         | 100                        |
| 13.3 | <i>Tốt nghiệp loại xuất sắc</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Công chức            | Đảng ủy, UBND cấp xã         | 260                        |
| 13.4 | <i>Tốt nghiệp loại giỏi</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Công chức            | Đảng ủy, UBND cấp xã         | 200                        |

| STT           | Trình độ, ngành, nhóm ngành và điều kiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đối tượng                                                                                                      | Cơ quan, đơn vị                                        | Mức hỗ trợ<br>(triệu đồng) |
|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------|
| 14            | Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt, tốt nghiệp đại học và đáp ứng một trong các điều kiện sau:<br>- Lĩnh vực thể thao: đã từng đạt Huy chương vàng hoặc Huy chương bạc tại giải có quy mô khu vực Đông Nam Á trở lên<br>- Lĩnh vực văn hóa, văn học nghệ thuật: đã từng đạt giải nhất hoặc tương đương tại giải quốc tế hoặc giải trong nước do bộ, Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam hoặc hội chuyên ngành Trung ương tổ chức | Viên chức                                                                                                      | Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 100                        |
| 15            | Đại học: Kiến trúc và quy hoạch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Công chức                                                                                                      | Sở Xây dựng                                            |                            |
|               | Đại học: Hán Nôm; Khảo cổ học; Bảo tàng học; Du lịch; Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Công chức,<br>Viên chức                                                                                        | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                        |                            |
| 15.1          | Tốt nghiệp loại xuất sắc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                |                                                        | 160                        |
| 15.2          | Tốt nghiệp loại giỏi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                |                                                        | 100                        |
| <b>Phần C</b> | <b>CHÍNH SÁCH THƯỞNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                |                                                        |                            |
| 1             | Được bổ nhiệm chức danh Giáo sư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Công dân đang thường trú hoặc làm việc trên địa bàn tỉnh thuộc các đối tượng tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này |                                                        | 120                        |
| 2             | Được bổ nhiệm chức danh Phó Giáo sư; được phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ nhân nhân dân                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                |                                                        | 60                         |
| 3             | Được phong tặng danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân ưu tú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                |                                                        | 40                         |
| 4             | Người được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                |                                                        | 120                        |
| 5             | Người được tặng giải thưởng Nhà nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                |                                                        | 60                         |

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

